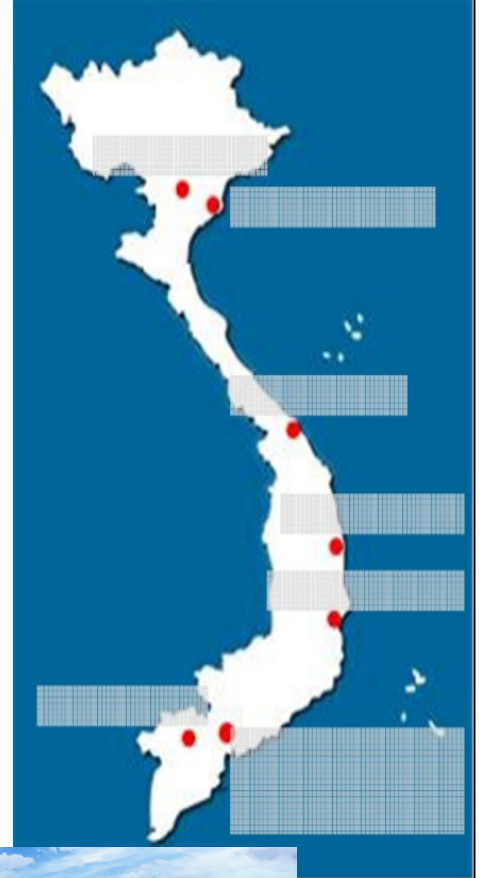




# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2018



MÃ CHỨNG KHOÁN: SAFI

# MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	1
1. Thông tin khái quát .....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
4. Định hướng phát triển .....	4
5. Các rủi ro .....	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2. Tổ chức và nhân sự .....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	8
4. Tình hình tài chính.....	9
5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	11
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	12
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	13
2. Tình hình tài chính.....	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý .....	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	15
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty ..	15
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	16
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty .....	16
3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị .....	17
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	17
1. Hội đồng quản trị .....	18
2. Ban Kiểm soát .....	19
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS.....	19
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	20
1. Đơn vị kiểm toán:.....	20
2. Ý kiến kiểm toán: .....	20
3. Báo cáo tài chính được kiểm toán: .....	21



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 25/01/2019.
- Vốn điều lệ: 125.201.610.000 đồng.
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: [www.safi.com.vn](http://www.safi.com.vn)

#### **Quá trình hình thành và phát triển**

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;  
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;  
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m<sup>2</sup> tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;  
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;

- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;  
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động;  
Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;
- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;  
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
- 2016 Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);  
Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng;
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng;  
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);
- 2018 Tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý uỷ thác quản lý container và giao nhận hàng hoá;
- Khai thác, thu gom hàng hoá và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hoá quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hoá;
- Vận tải đa phương thức quốc tế;

- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Đại lý du lịch
- Điều hành tour du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu ủy thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Và các ngành nghề kinh doanh khác;

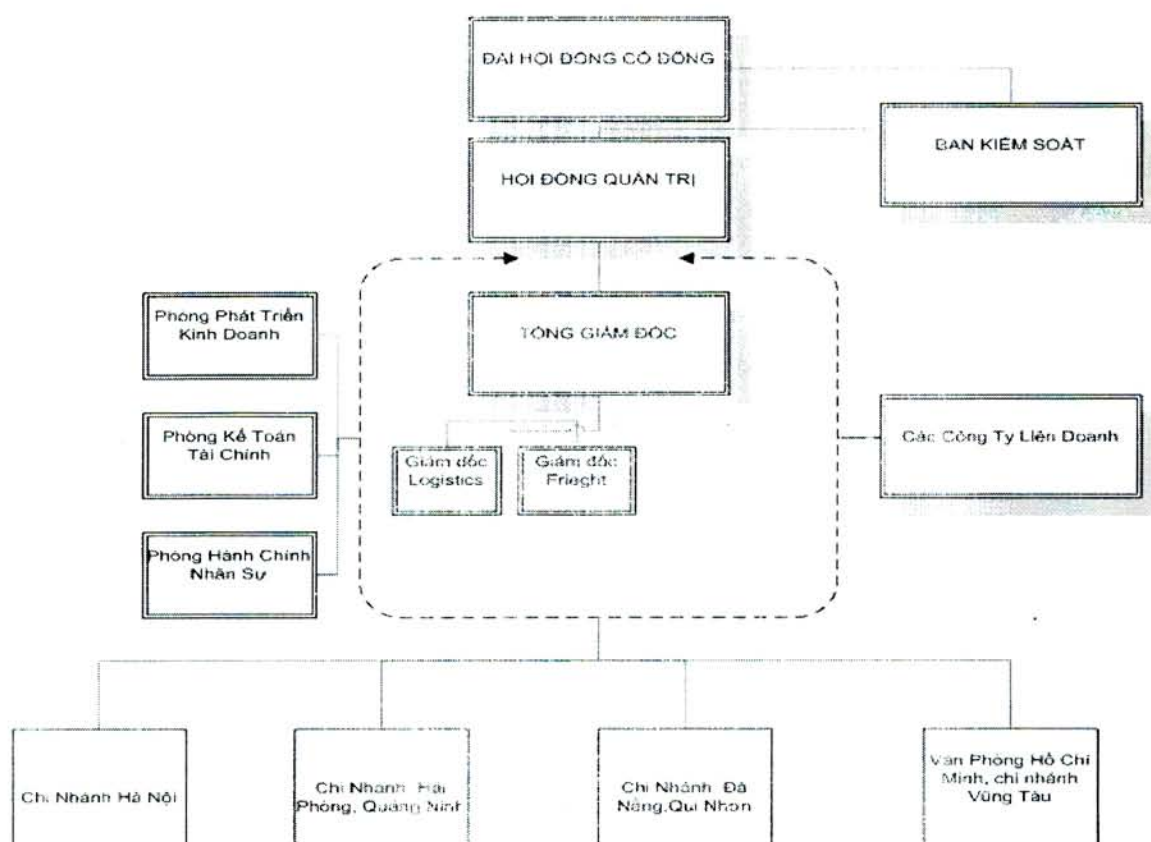
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### a. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc.

Công ty hiện có 06 Chi Nhánh, đơn vị trực thuộc; 01 Công ty con và 02 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

#### SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



**b. Các đơn vị trực thuộc**

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Quảng Ninh
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

**c. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết**

+ **Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI**

- o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- o Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 69%.
- o Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển

+ **Công ty TNHH SITC Việt Nam**

- o 419 + 421 TD – Bussiness Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Hải Phòng
- o Vốn điều lệ: 400.000 USD.
- o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%.
- o Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển

+ **Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI**

- o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%.
- o Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

**4. Định hướng phát triển**

**4.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển bền vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của SAFI. Khai thác hiệu quả các nguồn lực để tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

**4.2 Chiến lược tập trung**

- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;
- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;

- Liên kết các dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc;
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển.
- Nắm bắt các chính sách của Nhà nước, Hiệp định Quốc tế để có định hướng phát triển đúng và phù hợp.

#### 4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải...
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện...
- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

### 5. Các rủi ro

#### a. Rủi ro kinh tế

Ít hay nhiều, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Để hạn chế rủi ro của các tác động này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

#### b. Rủi ro kinh doanh

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, Công ty cũng chịu sự cạnh tranh, áp lực từ nhiều yếu tố, trong đó có rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh của công ty đối thủ... do đó Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh hợp lý đối với khách hàng.

#### c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng doanh thu thuần	716.293.108.929	869.055.315.642	+21,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	51.755.921.843	68.170.482.984	+31,72%
3	Lợi nhuận sau thuế	40.947.127.794	54.172.475.574	+32,30%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	43,70%	34,67%	-20,68%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.449	4.395	+27,43%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 của Công ty

#### - Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chi tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2018			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	750	869	115,87%	716	869	+21,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	53	68,17	128,62%	51,76	68,17	+31,72%
3	LNST của cổ đông công ty mẹ	41	51,94	126,68%	38,96	51,94	+33,32%

Doanh thu, lợi nhuận cho Công ty trong năm 2018 tăng trưởng cao do Công ty đã đầu tư hiệu quả vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, đẩy mạnh các hoạt động cung ứng dịch vụ trong chuỗi hệ thống Công ty.

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt 869 tỷ đồng, vượt kế hoạch 115,87%. Tăng 21,33% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 68,17 tỷ đồng, vượt 128,62% kế hoạch. Tăng 31,72% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 54,17 tỷ đồng, tăng 32,30% so với năm 2017.

#### 1.2 Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu. hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu thuần từ hàng bán	276	486	106	869



	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	64	64	75	203
- Tổng tài sản	198	348	76	707
- Tổng nợ phải trả	95	168	37	300

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 của Công ty

- Xét về cơ cấu tổng doanh thu năm 2018, doanh thu Forwarding là 55,92%, (năm 2017 là 63,98%) đạt 486 tỷ đồng (năm 2017 là 458 tỷ đồng) mặc dù tỷ trọng Forwarding giảm so với năm trước nhưng giá trị tuyệt đối tăng 28 tỷ đồng; Lợi nhuận gộp đạt 64,4 tỷ đồng.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 106,52 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ là 12,26% (năm 2017 tỷ trọng dịch vụ đại lý hãng tàu và giá trị lần lượt là 2,92% và 20,903 tỷ đồng). Lợi nhuận gộp đạt 74,76 tỷ đồng.
- Hoạt động Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Mặc dù chi chiếm 33,17% tỷ trọng toàn doanh thu nhưng lại đạt tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 31,37% trong tổng lợi nhuận, đạt giá trị là 63,61 tỷ đồng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

#### a. Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT	21,91%	
2	Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên HĐQT	3,08%	
3	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT	2,08%	
4	Vũ Văn Trục	Ủy viên HĐQT	1,71%	
5	Ngô Trung Hiếu	Ủy viên HĐQT	0,83%	

#### b. Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, Cán bộ quản lý khác:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	21,91%	
2	Nguyễn Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	2,22%	

c. Thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,51%	
2	Huỳnh Quang Thành	Thành viên	0,21%	
3	Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	0,00%	

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi so với năm trước

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là 346 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	346	100%
- Lao động trực tiếp	320	92,5%
- Lao động gián tiếp	26	7,5%
B. Phân theo trình độ lao động	346	100%
- Trình độ đại học và trên đại học	164	47,40%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	159	45,95%
- Lao động phổ thông	23	6,65%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình dự án, đầu tư lớn trong năm: Không có

3.2 Tình hình đầu tư các công ty con, công ty liên kết:

- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tên công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
Công ty Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45,00%	45,00%	3.507	45,00%	45,00%	3.507
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	0%	0%	0	23,00%	23,00%	7.593
Tổng cộng			3.507			11.100

– Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu CTCP Vinalines Logistic - Việt Nam	1.500	780	(720)	1.500	900	(600)
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Container Việt Nam (VSC)	80.894	101.646		-	-	-
	82.395	102.426	(720)	1.500	900	(600)

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 của Công ty*

- + Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Ari & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) là 600.000 USD, trong đó góp vốn của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD, chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD, chiếm 6% vốn điều lệ; Công ty TNHH Yusen Ari & Sea Service góp 294.000 USD, chiếm 49% vốn điều lệ.
- + Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại Công ty đang thực hiện các thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.
- + Trong năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng toàn phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH KCTC Việt Nam do đã hết hạn liên doanh và Công ty không có ý định tiếp tục gia hạn liên doanh với Công ty TNHH KCTC Việt Nam.
- + Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã đầu tư 2.506.688 cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam là doanh nghiệp cùng ngành nhằm tìm kiếm lợi nhuận cho Công ty.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	570.429.636.724	707.325.697.907	+24,00%
2	Doanh thu thuần	716.293.108.929	869.055.315.642	+21,33%

Stt	Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
3	Lợi nhuận từ hd kinh doanh	44.400.601.517	68.012.611.195	+53,18%
4	Lợi nhuận khác	7.355.320.326	157.871.789	-97,85%
5	Lợi nhuận trước thuế	51.755.921.843	68.170.482.984	+31,72%
6	Lợi nhuận sau thuế	40.947.127.794	54.172.475.574	+32,30%
7	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	38.957.379.993	51.936.255.829	+33,32%
8	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.989.747.801	2.236.219.745	+12,39%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,85	1,50
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,71	1,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng nguồn vốn	Lần	0,38	0,42
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1,82	2,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	-	-	-
- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Vòng	1,26	1,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	5,72	6,23
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	34,32	43,27
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	7,18	7,66
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	6,20	7,83

## 5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 12.520.161 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 125.201.610.000 đồng
- Số cổ phiếu có quyền biểu quyết: 12.390.149 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 130.012 cổ phiếu (Công ty thu hồi cổ phiếu ESOP của CBCNV công ty nghi việc)

### b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt cổ đông ngày 22/02/2019 do VSD cấp.

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)	6.461.852	51,61%	5	3	2
	- Trong nước	3.559.722	28,43%	2	-	2
	- Nước ngoài	2.902.130	23,18%	3	3	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	130.012	1,04%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0,00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	5.928.297	47,35%	1.115	48	1.067
	- Trong nước	4.518.960	36,09%	1.046	33	1.013
	- Nước ngoài	1.409.337	11,26%	69	15	54
<b>TỔNG CỘNG</b>		12.520.161	100,00%	1,121	52	1.069
Trong đó : - Trong nước		8.208.694	65,56%	1,049	34	1.015
- Nước ngoài		4.311.467	34,44%	72	18	54

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, Công ty đã phát hành 590.007 cổ phiếu (tương đương 5% số cp đang lưu hành) cho người lao động trong công ty (đây là đợt phát hành lần 5 theo lộ trình 5 năm mà Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014 đã thông qua). Tăng vốn điều lệ từ 119,30 tỷ đồng lên 125,20 tỷ đồng.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

## 6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa. Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

### 6.2 Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc hại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

### 6.3 Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

### 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định của Nhà nước về môi trường
- Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường: Không

### 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2018 là 346 người.
- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 14.000.000 đồng/ 1 tháng. Đây là thu nhập tương đối cao so với các Công ty cùng ngành trong khu vực.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động

như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tết niên...

- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao.

#### 6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới của SAFI.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong năm 2018.

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2018			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	750	869	115,87%	716	869	+21,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	53	68,17	128,62%	51,76	68,17	+31,72%
3	LNST của cổ đông công ty mẹ	41	51,94	126,68%	38,96	51,94	+33,32%

Sự tăng trưởng vượt bậc này là do trong năm, Công ty đã mạnh dạn đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động cung ứng tại các chi nhánh, công ty con, tập trung bứt phá doanh thu và lợi nhuận tại mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty và đã mang lại hiệu quả ấn tượng cao.

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt 869 tỷ đồng, vượt kế hoạch 115,87%. Tăng 21,33% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 68,17 tỷ đồng, vượt 128,62% kế hoạch. Tăng 31,72% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 54,17 tỷ đồng, tăng 32,30% so với năm 2017.

Về cơ cấu doanh thu trong năm 2018:

- Xét về cơ cấu tổng doanh thu năm 2018, doanh thu Forwarding là 55,92%, (năm 2017 là 63,98%) đạt 486 tỷ đồng (năm 2017 là 458 tỷ đồng) mặt dù tỷ trọng Forwarding giảm so với năm trước nhưng giá trị tuyệt đối tăng 28 tỷ đồng; Lợi nhuận gộp đạt 64,4 tỷ đồng.

- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 106,52 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ là 12,26% (năm 2017 tỷ trọng dịch vụ đại lý hãng tàu và giá trị lần lượt là 2,92% và 20,903 tỷ đồng). Lợi nhuận gộp đạt 74,76 tỷ đồng.
- Hoạt động Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hàng năm của công ty. Mặc dù chỉ chiếm 33,17% tỷ trọng toàn doanh thu nhưng lại đạt tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 31,37% trong tổng lợi nhuận, đạt giá trị là 63,61 tỷ đồng.

Cơ cấu theo lĩnh vực kinh doanh:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ hàng bán ra bên ngoài	276	486	106	869
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64	64	75	203
Tổng tài sản	198	348	76	707
Tổng nợ phải trả	95	168	37	300

2. Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2018:

a. Tình hình tài sản

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Tài sản ngắn hạn	397.973.524.916	445.452.535.091	11,93%
2	Tài sản dài hạn	172.456.111.808	261.873.162.816	51,85%
	Tổng cộng	570.429.636.724	570.429.636.724	

b. Tình hình công nợ

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Nợ ngắn hạn	215.218.560.606	298.581.060.414	38,73%
2	Nợ dài hạn	1.330.761.600	1.730.281.752	30,02%
	Tổng cộng	216.549.322.206	300.311.342.166	



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý  
SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó trong năm Công ty đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, triển khai các định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả tối ưu và đúng định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, Công ty đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
  - a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
    - Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.
    - Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá và con người.
  - b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
    - SAFI luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, xong với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
    - Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.
  - c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
    - Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.

- Nhiều hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn,...

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HDQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao. Trong năm 2018, ngoài các phiên họp chính thức, HDQT đã thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc qua điện thoại, lấy ý kiến bằng email để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HDQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

- Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2018:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HDQT	22/02/2018	Thông qua tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Đại lý Vận tải SAFI;
2	02/2018/NQ-HDQT	22/03/2018	Thông qua việc thay đổi ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Đại lý Vận tải SAFI;
3	03/NQ-HDQT-2018	07/05/2018	Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/04/2018; trích lập các Quỹ và Ngân sách hoạt động của HDQT và BKS năm 2017, phân phối lợi nhuận năm 2017, chi trả cổ tức 2017, Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2018, thông qua việc Chủ tịch HDQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty;
4	04/NQ-HDQT-SAFI-2018	16/08/2018	Về việc phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động trong Công ty;
5	05/NQ-HDQT-SAFI	03/10/2018	Thông qua việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại Công ty TNHH KCTC Việt Nam.

##### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/04/2018, HDQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh của công ty. HDQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HDQT.

- Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.

### 3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

#### ➤ Các chỉ tiêu tài chính năm 2019:

- Tổng doanh thu thuần: 900 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 42,1 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 15% bằng tiền mặt/cổ phiếu

Chi tiết hình thành lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019 (đồng)	Thực hiện năm 2018 (đồng)	Tỷ lệ (%) KH19/TH18
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	42.100.000.000	51.936.255.829	81,1%
Trong đó lợi nhuận đóng góp của các công ty con và liên doanh như sau :				
1	Công ty Cổ phần Đại Lý Vận Tải SAFI	35.000.000.000	43.926.857.812	79,7%
3	Công ty TNHH Đại lý Vận Tải COSFI	1.000.000.000	1.363.465.088	73,3%
4	Công ty TNHH SITC Việt Nam	1.100.000.000	1.689.919.840	65,1%
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng SAFI	5.000.000.000	4.956.013.089	100,9%

- Công ty mẹ Safi : do công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH KCTC Việt Nam do đã hết hạn liên doanh và Công ty không có dự định tiếp tục gia hạn liên doanh.
- Công ty Cosfi : giảm do công ty giảm tỷ lệ sở hữu từ 99% còn 69%.
- Công ty SITC : giảm do công ty giảm tỷ lệ sở hữu từ 51% còn 30%.

#### ➤ Các vấn đề khác:

- Công ty TNHH SITC Việt Nam đã hết hạn liên doanh và đang làm thủ tục gia hạn liên doanh, theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong trường hợp được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành. Do hiện tại SAFI không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên từ năm 2019, sau khi hết hạn liên doanh, SAFI không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty TNHH SITC Việt Nam như một

khoản đầu tư vào công ty con mà thực hiện phân loại khoản đầu tư này vào Công ty liên doanh liên kết.

- HĐQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Đầu tư mua sắm thêm xe vận tải, romooc, xe cont bổ sung phương tiện vận tải.
- Phát triển mạng lưới thông qua việc đầu tư mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng tại các tỉnh miền Trung.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cp sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT	21,91%
2	Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên HĐQT	3,08%
3	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT	2,08%
4	Vũ Văn Trực	Ủy viên HĐQT	1,71%
5	Ngô Trung Hiếu	Ủy viên HĐQT	0,83%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và năm 2018, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

#### d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,44%
2	Huỳnh Quang Thành	Thành viên	0,24%
3	Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	0,00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty; đồng thời đánh giá toàn diện công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho công ty trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự, những cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty;
- Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chiến lược phát triển Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị công ty đã có những định hướng mang tính đột phá, năng động, dự báo thị trường và đề ra những chính sách hoạt động Công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh, đầu tư luôn ổn định bền vững.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập của Tổng Giám đốc	911.000.000	830.000.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.147.700.000	1.956.000.000

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 của Công ty*

- Các khoản lợi ích khác: không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	2.251.749	18,87%	2.743.740	21,91%	Mua & mua cp ESOP
2	Vũ Văn Trực	Thành viên HĐQT	411.131	3,45%	214.080	1,71%	Bán
3	Ngô Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	63.340	0,53%	103.340	0,83%	mua cp ESOP
3	Nguyễn Hoàng Dũng	Thành viên HĐQT	365.000	3,06%	385.000	3,08%	mua cp ESOP
5	Đặng Trần Phúc	Thành viên HĐQT	245.460	2,06%	260.460	2,08%	mua cp ESOP
6	Huỳnh Quang Thành	Thành viên BKS	26.678	0,22%	30.010	0,24%	Bán và mua cp ESOP
7	Nguyễn Thanh Tuyền	KTT	177.936	1,49%	277.940	2,22%	mua cp ESOP

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2018 của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán:

a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc thành lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc thành lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.8- chính sách kế toán về các khoản nợ phải thu: Từ năm 2017, Công ty con của Công ty là Công ty TNHH SITC Việt Nam thay đổi áp dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi sổ kế toán theo quản lý Tập đoàn (SITC International Holdings Co., Ltd), trong đó không phân loại chi tiết và đầy đủ các khoản công nợ phải thu của cùng một đối tượng là khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng hay khoản phải thu ngắn hạn khác để trình bày phù hợp tại các chỉ tiêu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 và tại ngày 31/12/2017 theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Điều này dẫn đến số dư công nợ phải thu khách hàng bao gồm cả phải thu tiền dịch vụ và các khoản trả hộ khách hàng.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần của chúng tôi.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty).

Hoặc website :[www.safi.com.vn](http://www.safi.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN HOÀNG ANH**

